jí sù

急速

adjective/adverb · rapid; swift

Example Sentences

Qì chē jí sù zhuǎn wān
汽车急速 转 弯。

The car turned rapidly.

Hé shuǐ zài bào yǔ hòu jí sù shàng zhǎng
河水在暴雨后急速 上 涨。

The river rose rapidly after the rainstorm.

Trace each character, then write the word on your own.

急 急 急 急 急 急 急 急 急 急 急

急

速 速 速 速 速 速 速 速 速 速 速

速 速